

Bản án số: 66/2018/ HSST

Ngày 24/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH TỈNH TB**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Trọng Diễn và ông Phạm Mã Siêu.

Thư ký phiên Tòa: Ông Nguyễn Văn Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH tỉnh TB.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh TB tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH tỉnh TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2018/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXX- HSST ngày 19/9/2018, quyết định hoãn phiên Tòa số 08/2018 ngày 04/10/2018 đối với bị cáo: Họ và tên: **Chu Thị Ng**, sinh ngày 10/6/1957.

Nơi cư trú: Thôn ÔX, xã ĐQ, huyện TH, tỉnh TB. Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu. Trình độ văn hóa: 10/10. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Họ và tên bố: Chu Viết L (Đã chết). Họ và tên mẹ: Đoàn Thị Tr (Đã chết). Gia đình có 06 anh, chị em, bị cáo là con thứ hai. Chồng: Vũ Ngọc L, sinh năm 1960, có 01 con, sinh năm 1994. Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên Tòa.

- Người bị hại: 1. Chị Hà Thị N, sinh năm 1983.

2. Bà Đào Thị M, sinh năm 1965.

Đều tại địa chỉ: Thôn VN, xã TT2, huyện TT, tỉnh TB.

3. Chị Đoàn Thị Tr, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Đông Hưng, xã Thái Hà, huyện TT, tỉnh TB.

4. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh TB.

5. Chị Hồ Thị T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Phố Hùng Thắng, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh TB.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Hà Thị N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn VN, xã TT2, huyện TT, tỉnh TB.

(Chị N có mặt tại phiên Tòa, chị M, chị Tr, chị L, chị T đều vắng mặt tại phiên Tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2013 đến tháng 9/2014, mặc dù Bệnh viện đa khoa TB, Công ty nước sạch Nam Long, Công ty bia Đại Việt, Phòng giáo dục huyện TT, Ủy ban nhân dân xã TT2 không có nhu cầu: Tuyển dụng, tiếp nhận hồ sơ xin việc, tuyển dụng làm việc hay ký nhận chuyển nâng hạng thương binh nhưng Chu Thị Ng không có thẩm quyền, không có khả năng xin việc làm và nâng hạng thương binh đã có hành vi gian dối để chị Hà Thị N, sinh năm 1983, ở thôn VN, xã TT2, huyện TT tin tưởng qua đó đã giao hồ sơ và tổng số tiền 89.000.000 đồng mà N nhận của những người bị hại để nhờ Ng xin việc và làm chế độ cho 05 trường hợp cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng tháng 6/2013, bà Đào Thị M, sinh năm 1965, ở thôn VN, xã TT2, TT nhờ chị Hà Thị N (là người cùng thôn) xin việc cho con gái bà là Phạm Thị Thương, sinh năm 1989, đã học xong chuyên ngành kế toán chưa có việc làm. Sau đó, chị N nhờ Chu Thị Ng xin việc cho Thương thì Ng nói xin được cho Thương vào làm kế toán Công ty bia Đại Việt tại thành phố TB và yêu cầu nộp hồ sơ và 35.000.000 đồng. N đã trao đổi lại với bà M nội dung sự việc trên và được bà M đồng ý. Bà M giao hồ sơ cùng số tiền 35.000.000 đồng cho N, N đã đến giao hồ sơ và tiền tại nhà Ng cụ thể là: Lần 1 ngày 02/6/2013, giao 2.000.000 đồng, lần 2 ngày 06/5/2013, âm lịch giao 8.000.000 đồng, lần 3 ngày 19/6/2013 giao 25.000.000 đồng. Những lần nhận tiền, Ng đều viết giấy biên nhận với nội dung “ Tôi Chu Thị Ng nhận của cháu Hà Thị N để xin việc cho cháu Thương làm kế toán công ty bia Đại Việt”. Sau nhiều tháng không xin được việc cho chị Thương, chị N nhiều lần gặp đòi tiền Ng và Ng trả lại 19.000.000 đồng, N lấy tiền cá nhân hoàn trả 35.000.000 đồng cho bà M.

Lần 2: Vào giữa tháng 6/2013, do N tin tưởng Ng xin được việc làm nên hỏi Ng về chuyển thương binh loại 1 cho bố để mình là ông Hà Duy Cải, sinh năm 1955, thôn VN, xã TT2, huyện TT thì Ng nói chi phí hết 25.000.000 đồng. Ngày 28/6/2013, N đã chuyển hồ sơ cùng số tiền đặt cọc là 2.000.000 đồng cho Ng và ngày 20/7/2013 chuyển tiếp 2.000.000 đồng, những lần nhận tiền Ng đều viết giấy biên nhận với nội dung “ Cô Ng nhận của cháu Hà Thị N để lo cho ông Hà Duy Cải chuyển thương binh loại 1 (81%)”. Đến nay Ng không thực hiện được việc nâng loại thương binh cho ông Cải và chưa trả tiền lại cho N.

Lần 3: Vào khoảng tháng 10/2013, chị Đoàn Thị Tr, sinh năm 1987, ở thôn Đông Hưng, xã Thái Hà, huyện TT có quen biết làm cùng ngành thư viện trường học với N. Trong quá trình nói chuyện, N nói với chị Tr xin được cho những ai có nhu cầu lên làm Hiệu phó nhà trường. Chị Tr đã đặt vấn đề nhờ N xin cho chồng là anh Đặng Gia Lễ, sinh năm 1980, ở thôn Đông Hưng, xã Thái Hà, huyện TT hiện đang làm giáo viên trường Tiểu học xã Thái Hà. Sau đó, N đến nhờ Ng để xin cho anh Lễ lên làm quản lý. Ng nói về chuẩn bị hồ sơ và tiền. N nói với chị Tr chuẩn bị hồ sơ và số tiền 40.000.000 đồng, chị Tr đồng ý. Vào ngày 8/10/2013, chị Tr đã giao hồ sơ cùng số tiền 15.000.000 đồng tại Trường tiểu học xã TT2, huyện TT cho N, nhận

được tiền, N viết giấy biên nhận cho chị Tr với nội dung “ Tôi Hà Thị N nhận của Đoàn Thị Tr tiểu học xã Thái Hà để xin cho chồng là Đặng Gia Lễ lên quản lý”, ngày 29/11/2013, chị Tr giao tiếp số tiền là 10.000.000 đồng. Ngày 30/9/2014, giao tiếp 15.000.000 đồng, tổng là 40.000.000 đồng. Sau khi nhận được hồ sơ và tiền N đã đến nhà Ng giao cho Ng hai lần cụ thể là: Ngày 24/10/2013, giao 2.000.000 đồng. Ngày 29/11/2013, giao 8.000.000 đồng tổng là 10.000.000 đồng, Ng nhận tiền và viết giấy biên nhận với nội dung “Nhận tiền trường hợp của cháu Đặng Gia Lễ”. Đến nay Ng không xin được cho anh Lễ và chưa trả lại tiền cho N.

Lần 4: Vào khoảng tháng 11/2013, chị Phạm Thị L, sinh năm 1989, ở khu II thị trấn TH có quen biết với N, chị L nhờ N xin việc để đi làm. N đồng ý nói với Ng để xin việc cho chị L, Ng đồng ý và hứa với N xin cho L vào làm kế toán Bệnh viện Đa khoa TB và yêu cầu chuẩn bị hồ sơ và tiền xin việc. Sau đó, chị L giao hồ sơ cùng số tiền 55.000.000 đồng cho N. N đã mang đến nhà Ng giao cho Ng hồ sơ cùng số tiền 35.000.000 đồng để xin việc cho L, còn 20.000.000 đồng N giữ lại với lý do “Vì chưa tin tưởng hết Ng nên giữ lại”, Ng nhận tiền và viết giấy biên nhận cho N với nội dung “Cô Ng nhận của cháu Hà Thị N để xin giúp một xuất vào kế toán bệnh viện Đa Khoa TB”. Qua nhiều tháng không xin được việc nên chị L đã đòi tiền và được N trả lại toàn bộ số tiền mà chị L đã đưa cho N.

Lần 5: Vào đầu năm 2014, anh Phan Văn H, sinh năm 1965, ở Phố Hùng Thắng, thị trấn TH có quen biết với N nên anh H nhờ N xin việc cho cháu là Hồ Kim Nhân, sinh năm 1991, ở thôn Quang Thịnh, xã Nam Thịnh. Sau đó, N nói với Ng để xin việc cho Nhân thì Ng nói là xin được cho Nhân vào làm tại công ty Nam Long ở Thành Phố TB, N trao đổi lại với anh H chuẩn bị hồ sơ và số tiền là 5.000.000 đồng để xin việc, được anh H đồng ý. Anh H nói lại với chị Hồ Thị T, sinh năm 1985, ở Phố Hùng Thắng, thị trấn TH (là chị gái của Nhân) về nội dung trên, được chị T đồng ý. Chị T chuẩn bị hồ sơ xin việc cho Nhân rồi đưa hồ sơ cùng số tiền 05 triệu đồng cho anh H, anh H nhận tiền và hồ sơ, sau đó chuyển cho N để nhờ N xin việc cho Nhân. Đến ngày 06/01/2014, N đã chuyển hồ sơ cùng số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho Ng, Ng nhận tiền và viết giấy biên nhận với nội dung “Cô Ng nhận 5.000.000 đồng kế toán thu ngân nước sạch tại công ty Nam Long thành phố TB hẹn sáng hôm sau gặp lãnh đạo phân công công việc”. Sau đó Ng không xin được việc cho Nhân và anh H đã yêu cầu N trả tiền. N dùng tiền cá nhân để trả lại cho anh H 5.000.000 đồng.

Quá trình điều tra thu thập tài liệu tại Bệnh viện đa khoa TB, Công ty nước sạch Nam Long, Công ty bia Đại Việt, Phòng giáo dục huyện TT, Ủy ban nhân dân xã TT2, các đơn vị này cho biết trong khoảng thời gian nêu trên đều không có nhu cầu tuyển dụng và chưa nhận bất cứ hồ sơ xin việc, tuyển dụng làm việc hay ký nhận chuyển nâng hạng thương binh cho từng trường hợp có tên ở trên. Riêng trường hợp của anh Đặng Gia Lễ xã Thái Hà, TT phòng giáo dục huyện đang cử đi học lớp nguồn quản lý là đúng theo quy trình từ nhà trường đưa lên và được lập danh sách đi học. Đến năm 2015, Ng vẫn chưa trả tiền cho N nên N khởi kiện Ng ra Tòa án nhân

dân huyện TH. Tòa án nhân dân huyện TH đã thụ lý giải quyết theo thủ tục dân sự bằng bản án số 08/2016/DSST ngày 02/11/2016. Ngày 06/12/2016, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB có quyết định số 01 kháng nghị bản án số 08/2016/DSST của Tòa án nhân dân huyện TH và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh TB xét xử phúc thẩm. Ngày 24/3/2017, Tòa án nhân dân tỉnh TB xét xử phúc thẩm quyết định hủy bản án sơ thẩm số 08/2016/DSST ngày 02/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện TH vì vụ án có dấu hiệu của tội phạm và giao lại hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện TH tiến hành giải quyết theo thủ tục chung. Ngày 03/8/2017, Tòa án nhân dân huyện TH chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TH theo công văn số 1130/2017/CV-TA ngày 01/8/2017 về vụ án có dấu hiệu của tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Quá trình điều tra xác minh thấy hành vi của Chu Thị Ng có dấu hiệu tội phạm nên trong các ngày 15/12/2017 và 22/5/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TH ra quyết định khởi tố vụ án và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Chu Thị Ng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2, điều 174 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng số 63/KSĐT ngày 30/8/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện TH đã truy tố bị cáo Chu Thị Ng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai thêm tình tiết mới. Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay nhục hình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH tỉnh TB luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên Tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Chu Thị Ng theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Chu Thị Ng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” áp dụng điểm c khoản 2 điều 174, điểm b, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Chu Thị Ng 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Chu Thị Ng và chị Hà Thị N như sau: Bị cáo Chu Thị Ng phải trả cho chị Hà Thị N số tiền là 20.000.000 đồng nên buộc bị cáo phải trả chị Hà Thị N 20.000.000 đồng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Chu Thị Ng.

Bị cáo, người bị hại không tranh luận gì với bản luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cải tạo trở thành người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện TH, Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo Chu Thị Ng, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Đơn đề nghị và lời khai của những người bị hại là bà Đào Thị M, chị Phạm Thị L, chị Đoàn Thị Tr, chị Hồ Thị T. Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ L quan là chị Hà Thị N, các giấy biên nhận tiền giữa Hà Thị N và bị cáo Chu Thị Ng, các biên bản quản lý tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TH lập trong các ngày 10/8/2018 và 16/8/2018, bản kết luận giám định số 30 ngày 16/7/2018 của phòng kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh TB kết luận: Chữ ký, chữ viết của Chu Thị Ng trong các tài liệu cơ quan điều tra đã tạm giữ trong các giấy biên nhận và chữ ký, chữ viết trong các tài liệu mẫu do cùng một người ký, viết ra cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên đã đủ căn cứ khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2013 đến tháng 9/2014, tại thôn ÔX, xã ĐQ, huyện TH, tỉnh TB, Chu Thị Ng đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối là bản thân có mối quan hệ rộng và có khả năng chạy chế độ, xin được việc làm cho nhiều người để chị Hà Thị N tin tưởng qua đó Ng đã chiếm đoạt tổng số tiền 89.000.000 đồng của những người bị hại là bà Đào Thị M, chị Đoàn Thị Tr, chị Phạm Thị L, chị Hồ Thị T thông qua Hà Thị N. Hành vi phạm tội của Chu Thị Ng là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác. Như vậy, hành vi của bị cáo Chu Thị Ng đã phạm tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm.

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3]. Bị cáo Chu Thị Ng không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự . Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Bị cáo đã trả cho chị Hà Thị N tổng số

tiền 57.500.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả” và “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm b, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Khi xem xét mức độ hình phạt thì thấy bị cáo Chu Thị Ng có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo Chu Thị Ng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định. Vì vậy, nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của nhà nước ta

[4]. Từ những phân tích và đánh giá nêu trên đối với hành vi phạm tội của bị cáo Chu Thị Ng cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm minh tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 174 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. ”. Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Chu Thị Ng và chị Hà Thị N như sau: Bị cáo Chu Thị Ng phải trả cho chị Hà Thị N số tiền là 20.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo phải trả chị Hà Thị N số tiền trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. Các vấn đề khác trong vụ án: Quá trình điều tra, bị cáo Chu Thị Ng khai sau khi nhận hồ sơ và tiền của những người bị hại Ng đã chuyển tiền và hồ sơ cho một người đàn ông tên là Thành (không biết họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể), Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh tuy nhiên tài liệu xác minh thể hiện việc bị cáo Ng chuyển tiền cho người đàn ông tên Thành là không có căn cứ, vì vậy bị cáo Ng phải chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Hành vi phạm tội của bị cáo Chu Thị Ng đã hoàn thành kể từ khi N đưa tiền. Đối với Hà Thị N mặc dù đã giữ lại tiền của một số trường hợp xin việc nhưng bản thân N đã tin tưởng Ng sẽ xin được việc và cũng trực tiếp nhờ xin cho bố để nâng hạng thương binh. Sau khi không xin được việc, N đã dùng tiền của mình trả lại cho người bị hại, bản thân N cũng chưa được Ng cho tiền hay được hưởng lợi gì từ việc này. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với N là phù hợp. Đối với việc N giữ lại 30.000.000 đồng của chị Đoàn Thị Tr, việc giao nhận hồ sơ và tiền giữa N và chị Tr đều ở huyện TT, tỉnh TB do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TH đã tách và chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TT, tỉnh TB để xác minh, giải quyết theo thẩm quyền.

[8]. Bị cáo Chu Thị Ng phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Chu Thị Ng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 điều 174, điểm b, s khoản 1 điều 51, điều 38, điều 50, điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.
Xử phạt bị cáo Chu Thị Ng 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.
3. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Chu Thị Ng và chị Hà Thị N như sau: Bị cáo Chu Thị Ng phải trả cho chị Hà Thị N số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.
4. Về án phí: Áp dụng điều 23 nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án. Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.
Bị cáo Chu Thị Ng phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) án phí dân sự.
5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Ng, chị N biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà M, chị Tr, chị L, chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TB.
- VKSND huyện TH
- Công an huyện TH.
- THA huyện TH.
- UBND xã ĐQ, TH.
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XU' SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA